



CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THUẾ, KẾ TOÁN & KIỂM TOÁN AVINA-IAFC
AVINA-IAFC TAX CONSULTANCY, AUDITING & ACCOUNTING CO.,LTD

AVINAIAFC
professional & quality

SAO Y BẢN CHÍNH
Ngày 11 tháng 11 năm 2013



GIÁM ĐỐC
Nguyễn Quốc Hùng

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP
HÓA CHẤT VÀ VI SINH**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Nội dung	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 4
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9
Bàn thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 24

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Công nghiệp Hóa chất và Vi sinh (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2012.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Công nghiệp Hóa chất và Vi sinh tiền thân là doanh nghiệp Nhà nước hạch toán độc lập trực thuộc Tổng Công ty Hoá chất Việt Nam (Nay là Tập đoàn Hóa chất Việt nam). Công ty được phê duyệt phương án chuyển đổi mô hình hoạt động sang Công ty cổ phần từ Công ty Công nghiệp Hóa chất và Vi Sinh. Công ty Cổ phần Công nghiệp Hóa chất và Vi sinh hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 102207 ngày 03/03/1995 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp Hồ Chí Minh, thay đổi lần đầu ngày 15 tháng 5 năm 2004 số 4103002318 và thay đổi lần 2 ngày 28/02/2013 với mã số doanh nghiệp là 0300407741.

Vốn điều lệ của công ty :

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 vốn điều lệ của công ty là : 16.335.000.000 đồng với tổng số cổ phần là 1.633.500 cổ phần, mệnh giá cổ phần là 10.000đ/CP. Trong đó cơ cấu vốn góp của các cổ đông như sau :

Tập đoàn Hóa chất Việt Nam: 8.330.600.000đ (833.060CP) bằng 51% vốn điều lệ.

Các cổ đông khác: 8.004.400.000đ (800.440CP) bằng 49% vốn điều lệ.

Trụ sở chính của Công ty tại Số 31 Hàn Thuyên, phường Bến Nghé, Quận I, thành phố Hồ Chí Minh.

Lĩnh vực kinh doanh

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Sản xuất sản phẩm hóa chất khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: sản phẩm hóa chất; keo, sơn, mực in, chất tẩy rửa, silicat, Hóa mỹ phẩm; các chế phẩm sinh học phục vụ nông - công nghiệp - môi trường sinh thái.	2029 (chính)
2	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: sản xuất pallet bằng giấy - nhựa - kim loại.	3290
3	Sản xuất giấy ăn, bìa nhãn, bao bì tờ giấy và bìa Chi tiết: sản xuất bao bì.	1702
4	In ấn Chi tiết: in trên bao bì, sản phẩm do công ty sản xuất.	1811
5	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: mua bán nguyên liệu, sản phẩm, máy móc thiết bị hóa chất (trừ kinh doanh hóa chất độc hại mạnh)	4669
6	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ chưa được phân vào đâu Chi tiết: dịch vụ nghiên cứu và chuyển giao công nghệ.	7490
7	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu Chi tiết: lắp đặt chế tạo thiết bị (trừ tái chế phế thải kim loại, xi mạ điện).	2599
8	Hoạt động hỗ trợ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: tư vấn đầu tư. Tư vấn xây dựng (trừ kinh doanh dịch vụ thiết kế công trình).	6619
9	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: thiết kế kết cấu công trình dân dụng và công nghiệp. Giám sát thi công công trình xây dựng.	7410
10	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác Chi tiết: thi công xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp và cầu đường.	4390
11	San lấp mặt bằng./. (doanh nghiệp phải thực hiện theo đúng quy định của pháp luật và không sản xuất trong khu dân cư tập trung)	Ngành, nghề chưa khớp mã hệ thống ngành kinh tế Việt Nam

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Tình hình tài chính tại ngày 31/12/2012 và kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty Cổ phần Công nghiệp Hóa chất và Vi sinh được trình bày trong Báo cáo tài chính từ trang 06 đến trang 24 kèm theo.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHOÁ SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ngày 03/10/2012, Tòa án Nhân dân tối cao đã có Quyết định kháng nghị số 30/2012/KDTM-KN đối với Quyết định số 152/2012/QĐ-PT ngày 07/05/2012 của tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh về việc yêu cầu hủy Nghị quyết ĐHĐ CĐ năm 2012 sau khi xét thấy các nội dung tại Nghị quyết ĐHĐ CĐ bất thường số 01/ĐHĐCĐ-ND ngày 24/05/2012 là phù hợp với quy định của pháp luật và Quyết định tạm đình chỉ các quyết định của phiên tòa phúc thẩm đến khi có quyết định giám đốc thẩm của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Năm 2012 Công ty có sự thay đổi các nhân sự của HĐQT và Ban kiểm soát cụ thể như sau :

Hội đồng quản trị	Ông Trịnh Anh Tuấn	Chủ tịch HĐQT
	Ông Đặng Hồng Hải	Thành viên HĐQT
	Bà Vương Ngọc Lan	Thành viên HĐQT
	Bà Lại Thị Nhung	Thành viên HĐQT
	Ông Nguyễn Đình Minh	Thành viên HĐQT
Ban Tổng Giám đốc	Ông Đặng Hồng Hải	Tổng Giám đốc
	Ông Lê Huy Hải	Phó Tổng giám đốc
	Bà Vương Ngọc Lan	Phó Tổng Giám đốc (Không bỏ nhiệm lại cán bộ theo QĐ số 07/QĐ-HĐQT/2013 ngày 13/06/2013 của Chủ tịch HĐQT)
Ban kiểm soát	Ông Hà Thanh Sơn	Trưởng BKS
	Ông Trần Cao Phú	Thành viên BKS
	Bà Lưu Thị Ánh	Thành viên BKS

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Tư vấn thuế, Kế toán và Kiểm toán AVINA - IAFC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính năm 2012 cho Công ty và bày tỏ nguyện vọng tiếp tục kiểm toán cho các năm tiếp theo.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty xác nhận đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Phê duyệt các Báo cáo tài chính

Chúng tôi, Ban điều hành Công ty Cổ phần Công nghiệp Hóa chất và Vi sinh phê duyệt Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 của Công ty.



Đặng Hồng Hải
Tổng Giám đốc

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP HÓA CHẤT VÀ VI SINH
Tp Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 7 năm 2013

Số: 061/2013/BCKT/TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính năm 2012 của Công ty Cổ phần Công nghiệp Hóa chất và Vi sinh

Kính gửi:

**Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Công nghiệp Hóa chất và Vi sinh**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Công nghiệp Hóa chất và Vi sinh bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2012 lập ngày 04 tháng 7 năm 2013 và được trình bày từ trang 06 đến trang 24 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Vấn đề ảnh hưởng đến ý kiến Kiểm toán viên

- Chúng tôi đã không thể tham gia kiểm kê quỹ tiền mặt, hàng tồn kho và tài sản cố định của đơn vị tại thời điểm 31/12/2012. Với những tài liệu hiện có ở đơn vị, chúng tôi cũng không thể kiểm tra được tính đúng đắn về số lượng của các khoản mục này tại thời điểm trên bằng các thủ tục kiểm toán khác.
- Số dư Nguồn kinh phí sự nghiệp đang âm (-) số tiền 2.554.855.691 đồng phát sinh từ năm 2004, và khó có khả năng được cấp kinh phí bổ sung. Tuy nhiên Công ty chưa xem xét để xử lý vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ các vấn đề nêu trên và ảnh hưởng của chúng (nếu có) đến các chỉ tiêu có liên quan trên Báo cáo tài chính, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Công nghiệp Hóa chất và Vi sinh tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.



Nguyễn Quốc Hùng
Giám đốc

Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0295/KTV

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THUẾ, KẾ TOÁN & KIỂM TOÁN AVINA-IAFC

Hà Nội, ngày 09 tháng 7 năm 2013

Phạm Nguyễn Khang Anh
Kiểm toán viên

Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0597/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu B 01-DN
Đơn vị tính: VND
01/01/2012
VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		85.446.375.628	90.095.239.803
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110	3	37.977.167.799	51.397.166.640
1. Tiền	111		1.441.038.194	6.362.032.690
2. Các khoản tương đương tiền	112		36.536.129.605	45.035.133.950
II- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		23.918.783.006	7.847.533.245
1. Đầu tư ngắn hạn	121	4	23.918.783.006	7.847.533.245
II- Các khoản phải thu ngắn hạn	130		17.150.826.235	24.346.861.456
1. Phải thu khách hàng	131		15.528.762.522	20.844.567.186
2. Trả trước cho người bán	132		253.937.205	249.333.518
3. Các khoản phải thu khác	135	5	3.367.435.246	3.252.960.752
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(1.999.308.738)	-
III- Hàng tồn kho	140	6	6.173.727.386	6.265.894.860
1. Hàng tồn kho	141		6.173.727.386	6.271.193.262
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	(5.298.402)
IV- Tài sản ngắn hạn khác	150		225.871.202	237.783.602
1. Tài sản ngắn hạn khác	158		225.871.202	237.783.602
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		10.946.368.338	7.380.457.164
I- Tài sản cố định	220		9.256.325.544	5.908.292.619
1. Tài sản cố định hữu hình	221	7	9.128.421.417	3.771.205.170
- Nguyên giá	222		32.899.675.122	25.932.007.726
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(23.771.253.705)	(22.160.802.556)
2. Tài sản cố định vô hình	227	8	-	-
- Nguyên giá	228		96.002.802	96.002.802
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(96.002.802)	(96.002.802)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	9	127.904.127	2.137.087.449
II- Tài sản dài hạn khác	260		1.690.042.794	1.472.164.545
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	1.690.042.794	1.472.164.545
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		96.392.743.966	97.475.696.967

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu B 01-DN
Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
A- NỢ PHẢI TRẢ	300		22.267.719.289	25.310.218.613
I- Nợ ngắn hạn	310		22.081.719.289	24.607.715.482
1. Phải trả người bán	312		5.994.306.821	7.337.292.645
2. Người mua trả tiền trước	313		1.231.025.946	1.911.399.651
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	11	2.045.995.408	3.265.011.344
4. Phải trả người lao động	315		11.965.644.591	10.133.774.653
5. Chi phí phải trả	316	12	502.274.995	250.274.995
6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	13	1.935.922.031	1.797.973.835
7. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		(1.593.450.503)	(88.011.641)
II- Nợ dài hạn	330		186.000.000	702.503.131
1. Phải trả dài hạn khác	333		186.000.000	128.000.000
2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	574.503.131
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		74.125.024.677	72.165.478.354
I- Vốn chủ sở hữu	410	14	76.679.880.368	74.720.334.045
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		16.335.000.000	16.335.000.000
2. Vốn khác của chủ sở hữu	413		1.677.445.903	1.677.445.903
3. Quỹ đầu tư phát triển	417		33.939.961.673	33.939.961.673
4. Quỹ dự phòng tài chính	418		1.633.500.000	1.633.500.000
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		23.093.972.792	21.134.426.469
II- Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		(2.554.855.691)	(2.554.855.691)
1. Nguồn kinh phí	432	15	(2.554.855.691)	(2.554.855.691)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		96.392.743.966	97.475.696.967



Trịnh Trọng Đạt
Người lập biểu



Nhan Chí Kiến
Q. TP Kế toán



Đặng Hồng Hải
Tổng Giám đốc

Tp Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 7 năm 2013

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu B 02-DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	16	89.053.577.104	113.733.442.669
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	17	-	53.525.000
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	18	89.053.577.104	113.679.917.669
4. Giá vốn hàng bán	11	19	73.739.405.046	93.704.146.579
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		15.314.172.058	19.975.771.090
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	20	6.649.092.527	8.126.636.167
7. Chi phí tài chính	22	21	-	86.444.164
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	40.116.631
8. Chi phí bán hàng	24		1.615.110.362	1.906.649.084
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		16.482.637.696	13.671.045.742
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		3.865.516.527	12.438.268.267
11. Thu nhập khác	31		1.355.477.785	783.679.335
12. Chi phí khác	32		337.499.003	130.453.426
13. Lợi nhuận khác	40		1.017.978.782	653.225.909
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		4.883.495.309	13.091.494.176
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	22	1.290.448.986	3.349.166.777
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		3.593.046.323	9.742.327.399
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	23	2.200	5.964


Trịnh Trọng Đạt
Người lập biểu


Nhan Chí Kiến
Q. TP Kế toán


Đặng Hồng Hải
Tổng Giám đốc
Tp Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 7 năm 2013

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu B 03-DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay VND	Năm trước VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	103.217.386.307	126.815.872.983
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(60.250.776.252)	(84.579.462.527)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(29.160.235.234)	(26.459.717.619)
4. Tiền chi trả lãi vay	05	-	(40.116.631)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(2.466.602.280)	(2.785.447.119)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	2.086.308.226	4.275.845.793
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(8.564.158.888)	(10.956.722.130)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	4.861.921.879	6.270.252.750
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(7.219.829.390)	(5.272.505.451)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		91.440.461
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị	23	(16.071.249.761)	(7.847.533.245)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ	24		7.000.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	6.642.658.431	8.227.877.527
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(16.648.420.720)	2.199.279.292
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(1.647.500.250)
2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(1.633.500.000)	(4.900.500.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(1.633.500.000)	(6.548.000.250)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(13.419.998.841)	1.921.531.792
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	51.397.166.640	49.475.634.848
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	37.977.167.799	51.397.166.640



Trịnh Trọng Đạt
Người lập biểu



Nhan Chí Kiến
Q. TP Kế toán



Đặng Hồng Hải
Tổng Giám đốc

Tp Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 7 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09-DN

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Công nghiệp Hóa chất và Vi sinh tiền thân là doanh nghiệp Nhà nước hạch toán độc lập trực thuộc Tổng Công ty Hoá chất Việt Nam (nay là Tập đoàn Hóa chất Việt nam). Công ty được phê duyệt phương án chuyển đổi mô hình hoạt động sang Công ty cổ phần từ Công ty Công nghiệp Hóa chất và Vi Sinh. Công ty Cổ phần Công nghiệp Hóa chất và Vi sinh hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 102207 ngày 03/03/1995 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp Hồ Chí Minh, thay đổi lần đầu ngày 17 tháng 5 năm 2004 số 4103002318 và thay đổi lần 2 ngày 28/02/2013 với mã số doanh nghiệp là 0300407741.

Vốn điều lệ của công ty :

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 vốn điều lệ của công ty là : 16.335.000.000 đồng với tổng số cổ phần là 1.633.500 cổ phần, mệnh giá cổ phần là 10.000đ/CP. Trong đó cơ cấu vốn góp của các cổ đông như sau :

Tập đoàn Hóa chất Việt Nam: 8.330.600.000đ (833.060CP) bằng 51% vốn điều lệ.

Các cổ đông khác: 8.004.400.000đ (800.440CP) bằng 49% vốn điều lệ.

Trụ sở chính của Công ty tại Số 31 Hàn Thuyên, phường Bến Nghé, Quận I, thành phố Hồ Chí Minh.

Lĩnh vực kinh doanh

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Sản xuất sản phẩm hóa chất khác chưa được phân vào đầu Chi tiết: sản phẩm hóa chất; keo, sơn, mực in, chất tẩy rửa, silicat, Hóa mỹ phẩm; các chế phẩm sinh học phục vụ nông - công nghiệp - môi trường sinh thái.	2029 (chính)
2	Sản xuất khác chưa được phân vào đầu Chi tiết: sản xuất pallet bằng giấy - nhựa - kim loại.	3290
3	Sản xuất giấy ăn, bìa nhãn, bao bì tờ giấy và bìa Chi tiết: sản xuất bao bì.	1702
4	In ấn Chi tiết: in trên bao bì, sản phẩm do công ty sản xuất.	1811
5	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu Chi tiết: mua bán nguyên liệu, sản phẩm, máy móc thiết bị hóa chất (trừ kinh doanh hóa chất độc hại mạnh)	4669
6	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ chưa được phân vào đầu Chi tiết: dịch vụ nghiên cứu và chuyển giao công nghệ.	7490
7	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đầu Chi tiết: lắp đặt chế tạo thiết bị (trừ tái chế phế thải kim loại, xỉ mạ điện).	2599
8	Hoạt động hỗ trợ tài chính chưa được phân vào đầu Chi tiết: tư vấn đầu tư. Tư vấn xây dựng (trừ kinh doanh dịch vụ thiết kế công trình).	6619
9	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: thiết kế kết cấu công trình dân dụng và công nghiệp. Giám sát thi công công trình xây dựng.	7410
10	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác Chi tiết: thi công xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp và cầu đường.	4390
11	Sản lập mặt bằng./. (doanh nghiệp phải thực hiện theo đúng quy định của pháp luật và không sản xuất trong khu dân cư tập trung)	Ngành, nghề chưa khớp mã hệ thống ngành kinh tế Việt Nam

Các Xí nghiệp trực thuộc

Tên	Trụ sở
- Xí Nghiệp Bao Bì	Số 6/11, khu phố 4, phường Linh Trung, quận Thủ Đức, Tp HCM
- Xí Nghiệp Sơn LikSho	Số 6/11, khu phố 4, phường Linh Trung, quận Thủ Đức, Tp HCM
- Xí Nghiệp Hương Việt	Số 2/44 Trương Văn Hải, phường Hiệp Phú, quận 9, Tp HCM
- Trung tâm Sinh học Công nghệ	Số 16 Tăng Phú Nhơn, phường Phước Long, quận 9, tp HCM

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan khác tại Việt Nam.

Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức ghi sổ kế toán trên máy vi tính.

Tiền và tương đương tiền

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao để dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ ba tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài phần lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên doanh không điều chỉnh theo thay đổi của phần vốn chủ sở hữu của công ty trong tài sản thuần của công ty liên doanh. Báo cáo kết quả kinh doanh của công ty phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của công ty liên doanh phát sinh sau khi góp vốn liên doanh.

kiểm soát được công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như các hoạt động kinh doanh thông thường khác.

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên, và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập Dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình (TSCĐ) bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa TSCĐ vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới TSCĐ được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi TSCĐ được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý TSCĐ đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được TSCĐ vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào sử dụng.

Khấu hao TSCĐ hữu hình và TSCĐ vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với qui định tại Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Thời gian sử dụng ước tính của các tài sản này như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu B 09-DN

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

Loại tài sản cố định:	Thời gian (năm)
Tài sản cố định hữu hình	
Nhà cửa vật kiến trúc	05 - 28
Máy móc thiết bị	03 - 07
Phương tiện vận tải	03 - 06
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05
Tài sản cố định vô hình	
Phần mềm máy vi tính	03

Phương pháp phân bổ chi phí trả trước:

Các loại chi phí trả trước nếu chỉ liên quan đến năm tài chính hiện tại thì được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức tạm trả cho các cổ đông được ghi nhận theo nghị quyết chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

;-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

3. TIỀN

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tiền mặt	783.570.960	879.015.385
Tiền gửi ngân hàng	657.467.234	5.483.017.305
Các khoản tương đương tiền	36.536.129.605	45.035.133.950
Cộng	37.977.167.799	51.397.166.640

4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn khác	23.918.783.006	7.847.533.245
- Tiền gửi có kỳ hạn tại CN Tp HCM, Ngân hàng Viettinbank	23.918.783.006	7.847.533.245
Cộng	23.918.783.006	7.847.533.245

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu B 09-DN

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

5. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Phải thu khác	3.367.435.246	3.252.960.752
<i>Công ty TNHH Trung Quý</i>	<i>1.999.308.738</i>	<i>1.999.308.738</i>
<i>Lãi dự thu</i>	<i>820.759.891</i>	<i>814.325.795</i>
<i>Thuế TNCN phải thu NLĐ</i>	<i>93.758.571</i>	<i>71.922.064</i>
<i>Khác</i>	<i>453.608.046</i>	<i>367.404.155</i>
Cộng	3.367.435.246	3.252.960.752

6. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	3.856.786.842	4.388.022.238
Công cụ, dụng cụ	290.147.622	219.647.007
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	770.070.951	737.596.431
Thành phẩm	1.256.721.971	925.927.586
Cộng giá gốc hàng tồn kho	6.173.727.386	6.271.193.262
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	5.298.402
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	6.173.727.386	6.265.894.860

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

7. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

NGUYÊN GIÁ	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Số dư tại 01/01/2012	13.875.536.070	9.208.207.915	2.080.693.322	767.570.419	25.932.007.726
Tăng trong năm	-	7.123.827.723	-	126.518.145	7.250.345.868
Mua trong năm	-	7.123.827.723	-	126.518.145	7.250.345.868
Giảm trong năm	-	224.073.809	-	58.604.663	282.678.472
Thanh lý, nhượng bán	-	224.073.809	-	58.604.663	282.678.472
Số dư tại 31/12/2012	13.875.536.070	16.107.961.829	2.080.693.322	835.483.901	32.899.675.122
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư tại 01/01/2012	12.491.741.801	7.748.498.691	1.235.643.978	684.918.086	22.160.802.556
Tăng trong năm	515.937.000	1.159.995.277	163.102.980	54.094.364	1.893.129.621
Khấu hao trong năm	515.937.000	1.159.995.277	163.102.980	54.094.364	1.893.129.621
Giảm trong năm	-	224.073.809	-	58.604.663	282.678.472
Thanh lý, nhượng bán	-	224.073.809	-	58.604.663	282.678.472
Số dư tại 31/12/2012	13.007.678.801	8.684.420.159	1.398.746.958	680.407.787	23.771.253.705
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại 01/01/2012	1.383.794.269	1.459.709.224	845.049.344	82.652.333	3.771.205.170
Tại 31/12/2012	867.857.269	7.423.541.670	681.946.364	155.076.114	9.128.421.417

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm chờ thanh lý:

19.038.142.698
525.792.544

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình là phần mềm kế toán được ghi nhận theo giá gốc và khấu hao theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao ước tính trong vòng 3 năm.

9. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Nội dung	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
	127.904.127	2.137.087.449
Dự án đầu tư XD CB XN Bao Bì	99.872.727	99.872.727
Lò hơi đốt viên nén Biomass		1.751.200.000
Khác	28.031.400	286.014.722
Cộng	127.904.127	2.137.087.449

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Chi phí trả trước dài hạn khác	1.690.042.794	1.472.164.545
Cộng	1.690.042.794	1.472.164.545

11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Thuế giá trị gia tăng	551.189.979	522.963.697
Thuế thu nhập doanh nghiệp	909.020.464	2.085.173.758
Thuế thu nhập cá nhân	40.384.236	117.473.160
Các loại thuế khác	545.400.729	539.400.729
Cộng	2.045.995.408	3.265.011.344

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

12. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Chi phí phải trả khác	502.274.995	250.274.995
Trích trước thù lao HĐQT	461.649.995	209.649.995
Trích trước tiền thuê đất tại quận 9, Tp HCM	40.625.000	40.625.000
Cộng	502.274.995	250.274.995

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

13. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	395.840.501	261.683.991
Bảo hiểm xã hội	10.517.530	3.637.363
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.529.564.000	1.532.652.481
Bộ KHCN và MT	1.353.000.000	1.353.000.000
Bán cổ phần trả chậm	37.587.000	37.587.000
Tập đoàn HCVN	133.797.000	133.797.000
Khác	5.180.000	8.268.481
Cộng	1.935.922.031	1.797.973.835

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP HÓA CHẤT VÀ VI SINH
Số 31 Hàn Thuyên, Quận I, Tp Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

MẪU B 09-DN

14. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư tại 01/01/2011	16.335.000.000	1.677.445.903	33.939.961.673	1.633.500.000	16.292.599.070	69.878.506.646
Tăng trong năm	-	-	-	-	9.742.327.399	9.742.327.399
Lãi năm trước					9.742.327.399	9.742.327.399
Giảm trong năm	-	-	-	-	4.900.500.000	4.900.500.000
Chia cổ tức năm trước					4.900.500.000	4.900.500.000
Số dư tại 31/12/2011	16.335.000.000	1.677.445.903	33.939.961.673	1.633.500.000	21.134.426.469	74.720.334.045
Số dư tại 01/01/2012	16.335.000.000	1.677.445.903	33.939.961.673	1.633.500.000	21.134.426.469	74.720.334.045
Tăng trong năm	-	-	-	-	3.593.046.323	3.593.046.323
Lãi năm nay					3.593.046.323	3.593.046.323
Giảm trong năm	-	-	-	-	1.633.500.000	1.633.500.000
Tạm chỉ cổ tức năm nay					1.633.500.000	1.633.500.000
Số dư tại 31/12/2012	16.335.000.000	1.677.445.903	33.939.961.673	1.633.500.000	23.093.972.792	76.679.880.368

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**Mẫu B 09-DN***(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)***b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu.**

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Vốn góp của Nhà nước	8.330.600.000	8.330.600.000
Vốn góp của đối tượng khác	8.004.400.000	8.004.400.000
Cộng	16.335.000.000	16.335.000.000

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	Năm nay VND	Năm trước VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại ngày 01 tháng 01	16.335.000.000	16.335.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại ngày 31 tháng 12	16.335.000.000	16.335.000.000

d. Cổ tức

Theo Quyết định số 134/QĐ-HCVS/2012 ngày 29/11/2012 của Tổng Giám đốc thực hiện theo Nghị quyết số 09/NQ-HĐQT/2012 ngày 27/11/2012 của HĐQT, Công ty đã tiến hành tạm chi trả cổ tức lần 1 với tỷ lệ là 10% / vốn điều lệ.

e. Cổ phiếu

	Năm nay Cổ phiếu	Năm trước Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	-	-
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.633.500	1.633.500
Cổ phiếu phổ thông	1.633.500	1.633.500
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:	10.000	10.000

f. Các quỹ của doanh nghiệp.

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Các quỹ của doanh nghiệp:		
Quỹ đầu tư phát triển	33.939.961.673	33.939.961.673
Quỹ dự phòng tài chính	1.633.500.000	1.633.500.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo) MÃU B 09-DN
(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

15. NGUỒN KINH PHÍ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Nguồn kinh phí được cấp trong năm		
Chỉ sự nghiệp		
Nguồn kinh phí còn lại cuối năm	(2.554.855.691)	(2.554.855.691)

16. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu bán hàng	52.737.077.380	71.330.811.241
Doanh thu cung cấp dịch vụ	36.316.499.724	42.402.631.428
Cộng	89.053.577.104	113.733.442.669

17. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm nay VND	Năm trước VND
Hàng bán bị trả lại	-	53.525.000
Cộng	-	53.525.000

18. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu thuần	89.053.577.104	113.679.917.669
Cộng	89.053.577.104	113.679.917.669

19. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn của hàng đã bán	46.440.469.798	62.302.370.297
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	27.304.233.650	31.436.629.826
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(5.298.402)	(34.853.544)
Cộng	73.739.405.046	93.704.146.579

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)***20. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	6.649.092.527	8.126.636.167
Cộng	6.649.092.527	8.126.636.167

21. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền vay	-	40.116.631
Chi phí hoạt động tài chính khác	-	46.327.533
Cộng	-	86.444.164

22. THUẾ TNDN HIỆN HÀNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	1.290.448.986	3.349.166.777
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	-	-
Cộng	1.290.448.986	3.349.166.777

23. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	3.593.046.323	9.742.327.399
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	3.593.046.323	9.742.327.399
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	1.633.500	1.633.500
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	2.200	5.964

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu B 09-DN

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

24. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

24.1 Thông tin khác

Ngày 03/10/2012, Tòa án Nhân dân tối cao đã có Quyết định kháng nghị số 30/2012/KDTM-KN đối với Quyết định số 152/2012/QĐ-PT ngày 07/05/2012 của tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh về việc yêu cầu hủy Nghị quyết ĐHĐ CĐ năm 2012 sau khi xét thấy các nội dung tại Nghị quyết ĐHĐ CĐ bất thường số 01/ĐHĐCĐ-ND ngày 24/05/2012 là phù hợp với quy định của pháp luật và Quyết định tạm đình chỉ các quyết định của phiên tòa phúc thẩm đến khi có quyết định giám đốc thẩm của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Ngày 25/01/2013 Công ty đã ban hành Quyết định số 01/QĐ-HĐQT/2013 V/v thực hiện nghị quyết của ĐHĐ Cổ đông của HĐQT quyết định chia Cổ tức năm 2011 theo tỷ lệ 30% trên vốn điều lệ.

24.2 Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 đã được kiểm toán. Số liệu này đã được phân loại lại cho phù hợp để so sánh với số liệu kỳ này.

Trịnh Trọng Đạt
Người lập biểu

Nhan Chí Kiến
Q. TP Kế toán



Đặng Hồng Hải
Tổng Giám đốc

Tp Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 7 năm 2013

SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 11 tháng 11 năm 2014

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THUẾ, KẾ TOÁN & KIỂM TOÁN AVINA-IAFC
VPGD: Phòng 12A03, D11, Tòa nhà SUNRISE, Trần Thái Tông, Cầu Giấy, TP. Hà Nội
ĐT: 04. 3 795 0833 Fax: 04. 3 795 0832
Web: www.avina-iafc.vn



Số : 116/2014/CV/AVINA-IAFC
Ngày : 17/11/2014
Người nhận : Công ty Cổ phần Công nghiệp Hóa chất và Vi Sinh
Các bên có liên quan
Người gửi : Công ty TNHH Tư vấn Thuế, Kế toán và Kiểm toán AVINA-IAFC

GIÁM ĐỐC

Về việc : Điều chỉnh lại Báo cáo Kiểm toán số 061/2013/BCKT/TC ngày 09 tháng 7 năm 2013 về BCTC năm 2012 của Công ty Cổ phần Công nghiệp Hóa chất và Vi sinh

Nguyễn Quốc Hùng

- Căn cứ Hợp đồng cung cấp dịch vụ kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2012 giữa Công ty Cổ phần Công nghiệp và Hóa chất Vi sinh với Công ty TNHH Tư vấn Thuế, Kế toán và Kiểm toán AVINA-IAFC;
- Căn cứ vào Báo cáo kiểm toán số 061/2013/BCKT/TC phát hành ngày 09 tháng 7 năm 2013 về BCTC năm 2012 của Công ty Cổ phần Công nghiệp Hóa chất và Vi sinh.

Công ty TNHH Tư vấn thuế, Kế toán và Kiểm toán AVINA-IAFC phát hành bổ sung Thuyết minh Báo cáo tài chính số 24 Những thông tin khác trên Báo cáo Kiểm toán số 061/2013/BCKT/TC ngày 09 tháng 7 năm 2013 về BCTC năm 2012 của Công ty Cổ phần Công nghiệp Hóa chất và Vi sinh như sau:

- ✓ Bổ sung thuyết minh số 24.3 về Công cụ tài chính (đính kèm).
- ✓ Bổ sung thuyết minh số 24.4 về Giao dịch với các bên liên quan và số dư với các bên liên quan (đính kèm).
- ✓ Bổ sung thuyết minh số 24.5 về Thông tin về báo cáo theo bộ phận (đính kèm).

Văn bản điều chỉnh này được đính kèm với Báo cáo kiểm toán số 061/2013/BCKT/TC ngày 09 tháng 7 năm 2013 về BCTC năm 2012 của Công ty Cổ phần Công nghiệp Hóa chất và Vi sinh.

Các nội dung khác không thay đổi.

Trân trọng kính chào,



Nguyễn Quốc Hùng

Giám đốc

Công ty TNHH Tư vấn Thuế, Kế toán và Kiểm toán AVINA-IAFC

24. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

24.3 Công cụ tài chính

Chính sách kế toán

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, các khoản đầu tư ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu

Các loại công cụ tài chính của Công ty

Giá trị ghi sổ kế toán				
	31/12/2012		01/01/2012	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
<i>Tài sản tài chính</i>	VND	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	37.977.167.799		51.397.166.640	
Phải thu khách hàng	15.528.762.522	(1.999.308.738)	20.844.567.186	-
Các khoản phải thu khác	3.367.435.246		3.252.960.752	
Đầu tư ngắn hạn	23.918.783.006		7.847.533.245	
Cộng	80.792.148.573	(1.999.308.738)	83.342.227.823	-
Giá trị ghi sổ kế toán				
<i>Nợ phải trả tài chính</i>	31/12/2012		01/01/2012	
	VND		VND	
Vay và nợ	-		-	
Phải trả người bán	5.994.306.821		7.337.292.645	
Chi phí phải trả	502.274.995		250.274.995	
Các khoản phải trả khác	2.121.922.031		1.925.973.835	
Cộng	8.618.503.847		9.513.541.475	

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, không bao gồm các khoản trích lập dự phòng phải thu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)***a. Quản lý rủi ro vốn**

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

b. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá hàng hóa), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro thị trường: Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về tỷ giá, lãi suất và giá.

Quản lý rủi ro về tỷ giá

Do có các giao dịch vay và nợ có gốc ngoại tệ, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Rủi ro này được Công ty quản lý thông qua các biện pháp như: duy trì hợp lý cơ cấu vay ngoại tệ và nội tệ, tối ưu hóa thời hạn thanh toán các khoản nợ, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ phù hợp, dự báo tỷ giá ngoại tệ trong tương lai, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro về lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo lãi suất của thị trường. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Quản lý rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc một đối tác không đáp ứng được nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tính hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhân rồi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó.

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu B 09-DN

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

	Từ 1 năm trở xuống	Từ 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Tại ngày 31/12/2012	VND	VND	VND	VND
Vay và nợ	-	-	-	-
Phải trả người bán	5.994.306.821			5.994.306.821
Chi phí phải trả	502.274.995			502.274.995
Các khoản phải trả khác	1.935.922.031	186.000.000		2.121.922.031
Cộng	8.432.503.847	186.000.000	-	8.618.503.847
Tại ngày 01/01/2012				
Vay và nợ	-	-	-	-
Phải trả người bán	7.337.292.645			7.337.292.645
Chi phí phải trả	250.274.995			250.274.995
Các khoản phải trả khác	1.797.973.835	128.000.000		1.925.973.835
Cộng	9.385.541.475	128.000.000	-	9.513.541.475

Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty hầu như không có rủi ro thanh khoản và tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền từ hoạt động kinh doanh để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

24.4 Giao dịch với các bên liên quan và số dư với các bên liên quan.

Chính sách kế toán

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp kể cả Công ty Mẹ, các công ty con của Công ty Mẹ, các công ty cùng thuộc tập đoàn, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của công ty, những thành viên thân cận trọng gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong năm, Công ty phát sinh giao dịch với các bên liên quan và số dư với các bên liên quan trọng yếu như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung	Năm 2012 VND
Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	Công ty Mẹ	Sở hữu vốn	51%
Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	Công ty Mẹ	Chia Cổ tức	833.060.000

Số dư cuối năm khoản công nợ với các bên liên quan như sau:

Phải thu 0 đồng

Phải trả 0 đồng

24.5 Thông tin về báo cáo theo bộ phận.

Chính sách kế toán

Báo cáo bộ phận được lập theo hướng dẫn tại Chuẩn mực kế toán số 28 - Báo cáo bộ phận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)*

Các bộ phận được lập theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý của doanh nghiệp dùng để lập báo cáo cho bên ngoài phải là các đơn vị nằm trong cơ cấu tổ chức của doanh nghiệp đó. Thông tin bộ phận do các đơn vị này lập để giúp Ban Tổng Giám đốc đánh giá hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp và đưa ra quyết định điều hành và quản lý trong tương lai của doanh nghiệp.

Một lĩnh vực kinh doanh hay khu vực địa lý cần được xác định là một bộ phận phải báo cáo khi phần lớn doanh thu phát sinh từ bán hàng ra ngoài đồng thời thoả mãn một trong các điều kiện sau:

- a) Tổng Doanh thu của bộ phận từ việc bán hàng ra ngoài và từ giao dịch với các bộ phận khác phải chiếm từ 10% trở lên trên tổng doanh thu của tất cả bộ phận, hoặc;
- b) Kết quả kinh doanh của bộ phận này bất kể lãi (hay lỗ) chiếm từ 10 % trở lên trên tổng lãi (hay lỗ) của tất cả các bộ phận có lãi (hoặc trên tổng lỗ của tất cả các bộ phận lỗ) nếu đại lượng nào có giá trị tuyệt đối lớn hơn, hoặc;
- c) Tài sản của bộ phận chiếm từ 10 % trở lên trên tổng tài sản của tất cả các bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác. Do đặc điểm hoạt động của Công ty chỉ có hoạt động sản xuất cho nhóm sản phẩm là Bao bì các loại, sơn tổng hợp và gia công theo đó không có sự khác biệt đáng kể về lĩnh vực kinh doanh, đồng thời Công ty hoạt động tại một bộ phận địa lý chính là thành phố Hồ Chí Minh nên không có sự khác biệt đáng kể về rủi ro và lợi ích kinh tế của các bộ phận theo khu vực địa lý. Do đó, Công ty chưa trình bày báo cáo theo bộ phận.